TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TH** **TỈNH TH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **110**/2019/HS-ST
Ngày: 08/4 /2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH, TỈNHTH

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Xuân Thiêm

2. Bà Vũ Thị Liên Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bình Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2019/TLST-HS ngày 11tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hữu K - tên gọi khác: Không; Sinh năm 1967 tại TH; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Xóm Đ, xã SC, thành phố TH, tỉnh TH; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 7/10; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, đoàn thể, C quyền): Không; Con ông Nguyễn Hữu H (đã chết), và con bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1938; Bị cáo có vợ Nguyễn Thị M sinh năm 1975, có 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/8/2018 đến ngày 21/12/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. *(Có mặt tại phiên tòa)*

2. Ngô Văn C - tên gọi khác: Không; Sinh năm 1985 tại TH; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Xóm SC, xã SC, thành phố TH, tỉnh TH; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, đoàn thể, C quyền): Không; Con ông Ngô Văn C1 (đã chết ngày 24/10/2018) và con bà Lưu Thị Ngọc A sinh năm 1964; Bị cáo có vợ Trịnh Thị H, sinh năm 1989, chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương (trước đó không bị tạm giữ, tạm giam). *(Có mặt tại phiên tòa)*

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lưu Thị Ngọc A, sinh năm 1964 – trú tại: Xóm SC, xã SC, thành phố TH, tỉnh TH (Có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1975 – trú tại: Xóm SC, xã SC, thành phố TH, tỉnh TH (Vắng mặt)

- *Người làm chứng*:

1. Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1997 – trú tại: Xóm Đồng Xe, xã SC, thành phố TH (Vắng mặt)

- *Người chứng kiến:*

1. Ông Nguyễn Huyền S, sinh năm 1962 – trú tại: Tổ 16, phường Tân Long, thành phố TH, tỉnh TH *(Vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 15 phút ngày 09/8/2018, tổ công tác Công an tỉnh TH làm nhiệm vụ tại khu vực tổ X, phường T, thành phố TH phát hiện Nguyễn Hữu K, sinh năm 1967- trú tại xóm Đ, xã SC, thành phố TH đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SYM Star BKS 20F9- 8509, trên xe chở 01 thùng cacton nghi là vật liệu nổ nên đã yêu cầu kiểm tra, qua kiểm tra thùng cacton thấy trong có 01 bao tải dứa mầu trắng chứa các hạt chất rắn mầu xanh ghi (K khai là thuốc nổ), tổ công tác đã thu giữ niêm phong theo quy định (ký hiệu K1); Tạm giữ của K 01 xe mô tô BKS 20F9-8509; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 150-RM 1190, có các số thuê bao là 0979.476.949 và 0949.855.964 (niêm phong ký hiệu K3). Tổ công tác lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang đối với Nguyễn Hữu K, đưa toàn bộ vật chứng về Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh TH để điều tra làm rõ.

Hồi 17 giờ cùng ngày, tiến hành khám xét nhà ở của K tại xóm Đ, xã SC, thành phố TH thu giữ 01 đoạn dây hình trụ mầu đen dài 39 cm, đường kính 0,5 cm nghi là dây cháy chậm (niêm phong ký hiệu K2).

Tiến hành mở niêm phong cân xác định khối lượng và lấy mẫu gửi giám định, đối với số chất nghi vật liệu nổ thu giữ của K khi bị bắt quả tang và khi khám xét kết quả như sau:

- Số chất rắn dạng hạt mầu xanh ghi trong bì niêm phong ký hiệu K1 có tổng khối lượng là 10,1 kg (mười phẩy một), lấy 100 gam làm mẫu gửi giám định (ký hiệu bì M1), còn lại 10 kg được niêm phong lưu kho.

- 01 đoạn dây hình trụ mầu đen, dài 39 cm, đường kính 0,5 cm, lấy 10 cm làm mẫu gửi giám định (ký hiệu bì M2), còn lại 29 cm được niêm phong lưu kho.

Tại bản Kết luận giám định vật liệu nổ số 949/KL- PC54 ngày 13/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TH kết luận:

- Các cục chất rắn mầu xanh ghi có khối lượng 100 gam ký hiệu M1 là vật liệu nổ, loại thuốc nổ TNT (Trinitrotoluen), tính năng, tác dụng của thuốc nổ TNT dùng để phá hủy mục tiêu hoặc sử dụng nhồi vào bom, đạn. Tổng khối lượng thuốc nổ TNT thu giữ ban đầu ký hiệu K1 là 10,1 kg (mười phảy một kilôgam)

- 01 đoạn dây hình trụ mầu đen dài 10 cm, đường kính 0,5 cm ký hiệu M2 là vật liệu nổ, loại dây cháy chậm, tính năng, tác dụng của dây cháy chậm dùng để dẫn lửa vào đốt kíp hoặc để gây cháy các loại thuốc phóng, đồng thời đảm bảo cho người đốt có đủ thời gian ra khỏi bán kính nguy hiểm của lượng nổ.Tổng chiều dài đoạn dây cháy chậm thu giữ ban đầu ký hiệu K2 là 39 cm (Ba mươi chín centimet).

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận như sau: Nguyễn Hữu K; Ngô Văn C1, sinh năm 1958; Ngô Văn C (con trai của ông C1), đều trú tại xã SC, thành phố TH là những người quen biết nhau. Khoảng 20 giờ ngày 06/8/2018, khi K đang ở nhà thì C đi xe mô tô đến nhà K, tại đây C nói với K là ông C1 (bố của C) có khoảng 10 kg thuốc nổ chưa sử dụng nên đã bảo C mang đến bán cho K để lấy tiền mua thuốc chữa bệnh nhưng không nói giá bán là bao nhiêu tiền một kilogam, lúc này K thấy có 01 bao tải dứa mầu trắng để ở gần bàn uống nước K mở bao kiểm tra thấy bên trong là thuốc nổ dạng hạt nhỏ mầu xanh ghi. K đồng ý mua sau đó mang cân số thuốc nổ trong bao tải thấy có tổng khối lượng là 10,2 kg cả bì, K lấy 1.600.000đ (*một triệu sáu trăm nghìn đồng*) đưa cho C, rồi mang bao thuốc nổ cất vào chân cầu thang nhà K mục đích xem có ai mua thì bán kiếm lời. Sau khi bán thuốc nổ cho K, C mang toàn bộ số tiền 1.600.000đ về nhà đưa cho bà Lưu Thị Ngọc A là mẹ đẻ của C.

Do quen biết với Bùi Quốc Đ, sinh năm 1967, trú tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh TH, vì trước đây đã có lần Đ nói với K là biết có người cần mua thuốc nổ, ngày 07/8/2018 K đã điện thoại cho Đ nói là có 10 kg thuốc nổ cần bán với giá 2.000.000đ *(hai triệu đồng)* còn Đ bán lại được bao nhiêu thì hưởng, Đ đồng ý. Ngày hôm sau, Đ điện thoại nói là đã tìm được người mua thuốc nổ và bảo K mang số thuốc nổ trên đến khu vực Km 31- QL 3- đoạn đường rẽ vào huyện Đ sẽ có người ra nhận, do bận nên K không mang lên và bảo Đ xuống nhà K lấy, Đ đồng ý và nói sẽ có người liên lạc với K để mua bán thuốc nổ. Khoảng 12 giờ ngày 09/8/2018, K nhận được điện thoại của một người không quen biết nói là do Đ giới thiệu gặp K để mua thuốc nổ và đang trên đường từ Đ xuống TH, đồng thời bảo K cho thuốc nổ vào thùng Cacton rồi mang ra điểm chờ xe Bus đoạn đường tròn T để mua. K cho toàn bộ số thuốc nổ vào thùng cacton rồi chở ra điểm hẹn như đã thỏa thuận, trong khi chưa kịp bán thì bị phát hiện bắt giữ cùng 10,1 kg thuốc nổ loại TNT như nêu trên.

Quá trình điều tra xác định được người mà Đ giới thiệu đến gặp K ngày 09/8/2018 là Lưu Đình Q, sinh năm 1966, trú tại xóm L, xã B, huyện Đ, tỉnh TH. Tuy nhiên tại cơ quan điều tra qua lời khai và biên bản đối chất thì cả Đ và Q đều không thừa nhận việc mua bán vật liệu nổ với Nguyễn Hữu K, việc Đ và Q điện thoại hẹn gặp K ngày 09/8/2018 là để hỏi mua và sửa máy dò kim loại chứ không mua bán vật liệu nổ như K đã khai và việc trao đổi điện thoại với nhau không có ai biết.

Về nguồn gốc 10,1 kg thuốc nổ TNT ông C1 khai là do tháo từ quả bom ông mua được của những người đánh cá sông cách đây khoảng 10 năm tàng trữ mục đích để bán lấy tiền, việc ông tàng trữ thuốc nổ ở nhà không có ai biết. Do bị ốm nặng không có tiền mua thuốc nên ngày 06/8/2018 ông đã bảo Ngô văn C là con trai ông mang đến bán cho K, toàn bộ số tiền 1.600.000đ do bán thuốc nổ có được ông đã mua thuốc chữa bệnh hết.

Về nguồn gốc 39 cm dây cháy chậm K khai là nhặt được tại mỏ đá N cách đây khoảng 03 năm mang về cất giấu ở nhà với mục đích sử dụng để đốt ong nhưng chưa sử dụng thì bị thu giữ khi khám xét.

Đối với chiếc xe mô tô SYM Star BKS 20F9- 8509 K sử dụng để vận chuyển thuốc nổ đi bán, ngày 09/8/2018 bị Cơ quan điều tra thu giữ, qua điều tra xác định được quyền sở hữu hợp pháp là của chị Nguyễn Thị M- em gái ruột Nguyễn Hữu K, chị M cho K mượn từ năm 2016 để đi lại, việc K sử dụng để vận chuyển trái phép thuốc nổ chị không được biết. Ngày 03/12/2018 Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh TH đã trả lại cho chị M quản lý, sử dụng.

Đối với số tiền 1.600.000đ do Ngô Văn C bán trái phép vật liệu nổ mà có, ngày 26/9/2018 sau khi vụ việc bị phát giác bà Lưu Thị Ngọc A đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra để xử lý theo quy định.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, lời khai người chứng kiến, người làm chứng, kết luận giám định vật liệu nổ.

Vật chứng vụ án gồm:

- 10 kg thuốc nổ TNT (còn lại sau giám định); 29 cm dây cháy chậm. Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh TH.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 150 RM-1190 vỏ nhựa màu đen, đã qua sử dụng có 02 số thuê bao là 0979476949 và 0949855964; 1.600.000đ *(Một triệu sáu trăm nghìn đồng)* tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Hiện đang bảo quản tại kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH.

Tại bản Cáo trạng số 03/CT –VKS-P1 ngày 09 tháng 01 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TH đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu K về tội "Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ" và bị cáo Ngô Văn C về tội "Vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ" theo điểm b khoản 2 Điều 305 BLHS.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Trong lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã kết

luận giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Hữu K về tội "Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 305 Bộ luật hình sự và bị cáo Ngô Văn C về tội "Vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ" theo điểm b khoản 2 Điều 305 BLHS. Đề nghị Hội đồng xét xử:

* Đối với bị cáo Nguyễn Hữu K: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 305; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 58 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt Nguyễn Hữu K 36 tháng tù cho hưởng án treo. Thử thách theo quy định pháp luật.

- Xử phạt Ngô Văn C 36 tháng tù cho hưởng án treo. Thử thách theo quy định pháp luật.

* Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung mỗi bị cáo 10 đến 15 triệu đồng.

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 10 kg thuốc nổ TNT, 29 cm dây cháy chậm (còn lại sau giám định). Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh TH.

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 150 RM-1190 vỏ nhựa màu đen, đã cũ, đã qua sử dụng, Imei 1: 356008083706542, Imei 2: 356008083706559 trong điện thoại lắp 02 sim số thuê bao là 0979476949 và 0949855964 là của bị cáo K, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo xác định có sử dụng điện thoại trên để thực hiện hành vi phạm tội.

- Nộp Ngân sách Nhà nước số tiền thu lời bất chính 1.600.000đ do bà Lưu Thị Ngọc A (mẹ bị cáo C) nộp cho cơ quan điều tra.

* Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo không tranh luận, thừa nhận việc truy tố và xét xử các bị cáo là không oan, đúng người, đúng tội.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tố tụng thành phố TH trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M vắng mặt nhưng bà M có lời khai tại cơ quan điều tra và hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà hôm nay là hoàn toàn tự nguyện, khách quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, lời khai của những người tham gia tố tụng khác, vật chứng thu giữ, kết luận giám định. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: Khoảng 20 giờ ngày 06/8/2018, Ngô Văn C vận chuyển trái phép 10,1 kg thuốc nổ loại TNT từ nhà ở xóm SC, xã SC, thành phố TH, đến nhà Nguyễn Hữu K ở xóm Đ, xã SC bán cho K với giá 1.600.000đ, sau khi mua được số thuốc nổ này K tàng trữ tại nhà với mục đích để bán lại kiếm lời. Ngày 09/8/2018, K vận chuyển ra khu vực đường tròn T, phường T, thành phố TH để bán cho người đã đặt mua thuốc nổ của K trước đó thì bị phát hiện bắt giữ cùng 10,1 kg thuốc nổ TNT chưa kịp bán.

Ngoài ra, K còn có hành vi tàng trữ trái phép 39 cm dây cháy chậm là vật liệu nổ công nghiệp mục đích để sử dụng, khi chưa sử dụng thì bị phát hiện thu giữ khi khám xét.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Hữu K đã phạm vào tội "Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ"; Ngô Văn C phạm tội "Vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 305 Bộ luật hình sự, nội dung điều luật như sau:

Điều 305. Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ.

"1. Người nào tàng trữ, vận chuyển…mua bán trái phép vật liệu nổ, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm

a)….

b) Thuốc nổ các loại từ 10 kilogam đến dưới 30 kilogam"

[3] Xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đều không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép cho tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ, nên hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý, sử dụng vật liệu nổ của Nhà nước. Việc tàng trữ, vận chuyển mua bán trái phép vật liệu nổ có thể gây nguy hiểm cho tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác, ảnh hưởng đến an ninh trật tự cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự.

Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, thống nhất từ trước. Do đó các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội do các bị cáo gây ra.

[4] Xét về nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn, ăn năn hối cải đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51BLHS. Ngoài ra do nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật, các bị cáo đã tự nguyện nộp vào Ngân sách một khoản tiền, đối với bị cáo Ngô Văn C xuất phát từ việc bố bị cáo là ông Ngô Văn C1 có hành vi tàng trữ trái phép vật liệu nổ bị ốm nặng nên có bảo C mang số thuốc nổ đi bán lấy tiền mua thuốc điều trị bệnh, bị cáo C tác động để mẹ đẻ là bà Lưu Thị Ngọc A tự nguyện nộp khoản tiền thu lời bất C là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ của các bị cáo nhằm thu lời bất chính, do đó cần áp dụng khoản 5 Điều 305 BLHS phạt bổ sung mỗi bị cáo một khoản tiền nộp Ngân sách Nhà nước.

Mức án mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Vật chứng của vụ án được xử lý theo Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự, cụ thể:

- Cần tịch thu tiêu hủy: 10 kg thuốc nổ TNT (thùng caston niêm phong ký hiệu L1), 29 cm dây cháy chậm (để trong phong bị niêm phong ký hiệu L2).

- 1.600.000đ *(Một triệu sáu trăm nghìn đồng)* là số tiền thu lời bất C do phạm tội mà có, cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

- 01 bì niêm phong ký hiệu B1 có chữ ký của những người tham gia niêm phong và dấu đỏ của cơ quan ANĐT ở mép dán (bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 150 RM-1190 màu đen, đã cũ, đã qua sử dụng, Imei 1: 356008083706542, Imei 2: 356008083706559, trong điện thoại lắp 02 sim số thuê bao là 0979476949 và 0949855964 trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo xác định có sử dụng điện thoại trên để thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí, quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Trong vụ án này, ông Ngô Văn C1 là người có hành vi tàng trữ trái phép vật liệu nổ tuy nhiên ông C1 đã chết nên cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với Bùi Quốc Đ và Lưu Đình Q là những người mà bị cáo K khai đã gọi điện thoại giao dịch để mua thuốc nổ của K vào ngày 09/8/2018, tài liệu điều tra không đủ căn cứ để xử lý đối với Đ và Q.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 326 Bộ luật hình sự

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu K phạm tội "Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ"

Bị cáo Ngô Văn C phạm tội "Vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ"

2. Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 305; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015.

2.1. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu K 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.2. Xử phạt: Bị cáo Ngô Văn C 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Hữu K, Ngô Văn C cho Ủy ban nhân dân xã SC, thành phố TH, tỉnh TH giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Hữu K, Ngô Văn C cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần, trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 305 BLHS

Phạt bị cáo Nguyễn Hữu K 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)*, đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001422 ngày 20/3/2019.

Phạt bị cáo Ngô Văn C 10.000.000đ *(Mười triệu đồng),* đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001478 ngày 05/4/2019.

4. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự:

* Tịch thu tiêu hủy: 10 kg thuốc nổ TNT (thùng caston niêm phong ký hiệu L1), 29 cm dây cháy chậm (để trong phong bị niêm phong ký hiệu L2). Giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh TH xử lý theo thẩm quyền.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận số 60/NVC/2018 ngày 16/8/2018 giữa Công an thành phố TH với Đại đội kho 29/Phòng Kỹ thuật/Bộ chỉ huy quân sự tỉnh TH)

* Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 1.600.000đ tiền thu lời bất chính của bị cáo Ngô Văn C *(tiền chuyển khoản tại UNC số 05 ngày 08/01/2019).*

* Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 01 bì niêm phong ký hiệu B1 bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 150 RM-1190, màu đen, đã cũ, đã qua sử dụng, Imei 1: 356008083706542, Imei 2: 356008083706559 trong điện thoại lắp 02 sim số thuê bao là 0979476949 và 0949855964.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận số 101 ngày 09/01/2019 giữa Công an thành phố TH với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH)

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Hữu K và Ngô Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quanvắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnhTH;
- VKSND tỉnhTH;
- VKSND thànhphố TH;
- Công an thànhphố TH;
- Chi cụcTHADSTP TH;
- Sở tư pháp tỉnhTH;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thanh Trúc